

Số: 6 /QĐ-NV

Biên Hòa, ngày 12 tháng 2 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách năm 2024
của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa.**

Căn cứ nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Lãnh đạo, bộ phận tài chính và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - kế hoạch;
- Phòng Văn hóa – Thông tin (phối hợp công khai);
- Như điều 3;
- Lưu: VT; KT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Minh Tấn

Biểu số 3 Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **PHÒNG NỘI VỤ**
Chương: **635**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày 12 tháng 02 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.743.152.000	9.411.572.901	80,15%	100,62%
1	Chi quản lý hành chính	11.477.652.000	9.381.122.901	81,73%	101,15%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.056.500.000	2.887.836.885	94,48%	120,80%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.421.152.000	6.493.286.016	77,11%	94,32%
1.2.1	Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo	544.500.000	239.955.200	44,07%	81,57%
1.2.2	Kinh phí Cải cách hành chính	600.300.000	91.972.100	15,32%	98,34%
1.2.3	Kinh phí Quản lý nhà nước về công tác lưu trữ	109.000.000	68.000.000	62,39%	15,20%
1.2.4	Kinh phí Khen thưởng	7.023.552.000	5.972.369.316	85,03%	105,66%

1.2.5	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính	54.000.000	31.189.400	57,76%	19,13%
1.2.6	Kinh phí tuyển dụng công chức cấp xã				
1.2.7	Trợ cấp tết Nguyên đán	16.800.000	16.800.000	100,00%	93,33%
1.2.8	Kinh phí khen thưởng NĐ 73	73.000.000	73.000.000	100,00%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	265.500.000	30.450.000	11,47%	38,66%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	265.500.000	30.450.000	11,47%	38,66%
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				